



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

LOI#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TRẦN VAN SAU
Last Middle First

Current Address: 23 ấp 6 Tân quy Đông Nhà kè TP HCM

Date of Birth: 1945 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5/22/75 To 8/19/84
Years: 9 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Suigon ngày 2/1/89

Chị T3 Thân,

Đin hãy tục gửi chị 1. hồ B :

- Anh TRẦN Văn SỨ

Đại úy Pháo Binh - Cai táu Qhân lữ

Đi có dư tiền khi mẹ gửi hồ B qua ĐP

Bangkok. Hy thấy tiền hồ B có

Đin chị gửi gùm.

N

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV No. _____

Date: 24-9-1989

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name: TRẦN VĂN SÁU
2. Other name:
3. Date, Place of birth: June 01, 1945 - Saigon
4. Residence address: Số 8/7 ấp 3, xã Tân Qui Đông
Huyện Nhà Bè - Thành phố Hồ Chí Minh
5. Mailing address: The same than above
6. Current occupation:

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Nos	Name	DOB	FOB	Sex	M/S	Address	Relation
1	VO THI BÉ	1954	Saigon	F	M	số 19/9 ấp 3 xã Tân Qui Đông huyện Nhà Bè TP Hồ chí Minh	ship vợ
2	TRẦN NHA BÍCH	1986	Saigon	F	S	như trên	con

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. Closest relatives in the US : None
2. Closest relatives in other foreign countries: None

D.- COMPLETE FAMILY LISTING

	Living/Dead	Address
1. Father: TRẦN VĂN TỰ	D	
2. Mother: LÊ THỊ CHIẾN	Living	The same than mine
3. Spouse: VC THI BÉ	Living	The same than above
4. Former spouse (if any):		
5. Children: TRẦN NHA BÍCH	Living	- - -
6. Siblings:		

E.- EMPLOYMENT BY US GOV. AGENCIES OR OTHER US ORGANISATION OF YOU

1. Name of person employed: NONE
2. Date: from _____ to _____
3. Title of last position held:
4. Agency/Company/Office:
5. Name of supervisor: NONE
6. Reason for leaving:
7. Training for job in VN:

F.- SERVICE WITH GNV OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: TRẦN VĂN SÁU - Số quân 65/108344
2. Date: from March 1965 to April 30th, 1975
3. Last rank: Captain (RVNAF)
4. Ministry/Office/Military Unit: Tiểu đoàn 230 Pháo Binh
5. Name of supervisor: Lt-Colonel NGUYEN CAO VUC (RVNAF)
6. Reason for leaving: April 30th, 1975 Event
7. Name of American Advisor:
8. US training courses in VN:
9. Awards or Certificates:

G. - TRAINING OUTSIDE OF VN OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of student/Trainee: NONE
2. School and school address:
3. Date: from to
4. Description of courses:

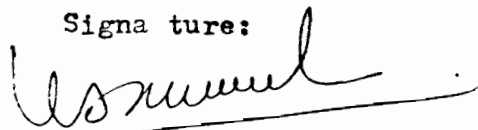
H.- REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in reeducation: TRẦN VĂN SÁU
2. Total time in reeducation: 09 years and 2 months
3. Still in reeducation: NO

I.- ANY ADDITIONAL REMARKS

Ngày 8 tháng 10 - 1984 tôi có gửi đơn với đầy đủ hồ sơ giấy tờ đến Văn Phòng ODP ở Bangkok, Thailand.
Đến nay chưa nhận được tin tức gì.

Signature:



Date: 24-9-1989

J.- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

1. Giấy ra trại (bản sao) -
2. Khai sanh (3 bản).
3. Hôn thú
4. Hộ khẩu (bản sao - ~~hai bản~~)
5. Military identification card - rank captain
6. Completed Artillery Team Leader Course Certification
7. 3 tấm ảnh -

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban
hành theo công văn số
2565 ngày 21 tháng 11
năm 1972

Trại TRẠI 1A
Số 224 GRT

0101470160021

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 317 ngày 7 tháng 7 năm 1984
của Bộ đội vũ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Trần Văn Sáu Sinh năm 1945

Các tên gọi khác

Nơi sinh Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

23 ấp 6 Tân Quy Đông, Nhà Bè, TP. HCM

Can tội Đại úy trước Lan 3

Bị bắt ngày 23-6-1975 Án phạt TRC

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Bộ nội vụ

Đã bị tâng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 23 ấp 6 Tân Quy Đông, Nhà Bè, TP. HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Anh Sáu đã xác định rõ tội lỗi của bản thân gây ra

tu tặc: chưa có liệu hiện tại

đặc tính: tham gia đầy đủ

đặc điểm: học tập ngay công mức hoàn

Chấp hành nội qui trại chưa có gì sai phạm

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã:

Trước ngày 30 tháng 6 năm 1984

Lưu tay ngón trở phải

Của

Danh bản

Lập tại

Họ, tên, chữ ký

người được cấp giấy

Trần Văn Sáu

Ngày 14 tháng 8 năm 1984



Đại úy: Đền Tân

MS Jân Nân Chai Kung 29/4/5
 diên hi quan HT CT Hoa Thi
 có tâu tâu diên lai tâu phước
 10/c công an để giải quyết
 Ep 68 28/08/XX
 DAP

QAP

Khrol

Alan Murray.

Đài nhận

đ/s Ban biên soạn. Đề
ANCT và Tân Quý

Xác nhận số: 84/7D

Đ/s có thể đi ANCH eo Nh
Đề tiết định lập hồ sơ theo
xung.

Tamil Poets

May 30/8/1884

K/c ĐĐ Q/He ²TTXH
 ca Hạng 1² giải quy² 1² thu² ch²
 này em² ĐĐ và ca² 1² qu²
 lý 1² 1².

NW B. 10/10/84

Дружеска ет Висуд

Nguyễn Phú Hòa



Đoạn này: người ta đã làm



TRUNG NHÂN GIANG Y BẢN CHÍNH
MỘT MỘT TRƯỞNG XÃ TÂN QUY

Tháng 3 năm 1939
H. B. N. D. X. T. L. N. Q.



Mui Hà Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN

Kā phường.....

Huyện, Quận.....

Tỉnh, Thành phố **STSG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Số **3184A**

Quyền.....



THẺ VÌ GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên **TRẦN VĂN SÁU** Nam hay Nữ **Nam**

Ngày, tháng, năm sinh **1 tháng 6 năm 1945**

Nơi sinh **Quận 6 Saigon (Vĩnh Hội)**

Dân tộc..... Quốc tịch.....

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Lê thị Chiến	Trần văn Tư
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú	/	/

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Cha khai

Người đứng khai ký

Đã ký ngày **12** tháng **11** năm 19**57**

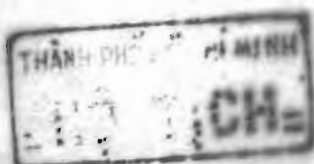
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **24** tháng **2** năm **89**

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

TP **TP. HỒ CHÍ MINH** Quận **phòng**



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận: PHÚ

~~XXXXXX~~
PHƯỜNG

Số hiệu: II.077

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

NHQBONG/4b.

Lập ngày 07 tháng 10 năm 19 54

Tên họ đứa trẻ. . . .	VO THI BE
Con trai hay con gái. .	nữ
Ngày sanh.	ba tháng mười, năm một ngàn chín trăm năm mươi bốn, 18 giờ 5'
Nơi sanh.	Saigon, 284, đường ARRAS
Tên họ người cha. . .	VO VAN MAI {nhìn nhận đứa nhỏ là con, tại Quan Tư Saigon, ngày 13-11-1959
Tên họ người mẹ. . .	LƯU THI NGUYEN
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	-----
Tên họ người chính.	NGUYEN THI TƯ ELISABETH

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 16 tháng 03 năm 19 73

Viên-Chức Hộ-Tịch,

(Signature)

NGUYỄN-NHON VẮC



Số

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình Tại UBND Xã TÂN QUÝ

Ngày 18 tháng 9 năm 1989

UBND Xã TÂN QUÝ



Mai Hà Minh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN**

Tỉnh, Thành phố

Hồ Chí Minh

Quận, Huyện

Nhà Bè

Xã, Phường

Bản Dục Đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Quyển số 01

Số 67

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người chồng Trần Văn Sơn

Sinh ngày 04 - 6 - 1945

Quê quán Sài Gòn

Nơi đăng ký thường trú 8/7 ấp 3

Xã Bản Dục Đồng, Nhà Bè

Nghề nghiệp Công nhân

Dân tộc Tinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu /

Họ và tên người vợ Võ Thị Bè

Sinh ngày 03 - 10 - 1954

Quê quán Sài Gòn

Nơi đăng ký thường trú 19/9 ấp 3

Xã Bản Dục Đồng, Nhà Bè

Nghề nghiệp Công nhân

Dân tộc Tinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 020.156.59

Kết hôn ngày 09 tháng 2 năm 1989

Chữ ký người chồng

[Signature]

Chữ ký người vợ

[Signature]



Xã Bản Dục Đồng
P. chủ tịch

[Signature]

Nguyễn Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu : HT2/P3

Xã, Thị trấn Tân Qui

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Nhà BèThành phố, Tỉnh Hồ Chí MinhBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố : 153Quyển số : 01

Họ và tên	<u>TRẦN NHA BÍCH</u>		☒ Nam, ☐ nữ
Sinh ngày tháng năm,	<u>Ngày mười sáu, Tháng tư năm</u> <u>Tám mươi sáu</u> <u>16-4-1986</u>		
Nơi sinh	<u>Bảo Sơn Tân Qui</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	<u>TRẦN VĂN SÁU</u> <u>1945</u>	<u>VÕ THỊ BÉ</u> <u>1954</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKNK thường trú	<u>8/7 Ấp 6B Tân Qui</u>	<u>10/7 Ấp 6B Tân Qui</u>	
Họ tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>TRẦN VĂN SÁU</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 03 tháng 6 năm 1986TM UBND Đỗ Quang Ủy viên đóng dấuĐăng ký ngày 25 tháng 4 năm 1986

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ủy Viên Thư Ks

Đỗ Kỳ và đồng dânNguyễn Văn NămNguyễn Văn Năm



Võ Thị Bé
03-10-1954
Saigon



(Trần Văn Sáu)
01-06-1945
Saigon



Trần Nha Bích
16-4-1986
Tân Qui Đông
Nhã Bé



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên, đóng dấu

NHỮNG CHAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 7.808.8.7 CN

Họ và tên chủ hộ : *Phạm Thị Đào*

Ấp, ngo, số nhà : *13/3, Ngõ 6*

Thị trấn, đường phố :

Xã, phường :

Huyện :

Ngày .. 10 .. tháng .. 03 .. năm .. 1982

Trưởng công an : *Nhơn*

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Katt

Số NK 3 :

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Phạm Thị Đan	chủ hộ	nữ	1937			01-10-1976	Xuất khẩu sang quê ở huyện Trảng Bàng (Cột 07 xóa đi, để lại cột 20)	
02	Phạm Thị Ngọc Anh	con	nữ	1950			01-10-1976		
03	Võ Thị Đức	con dâu	nữ	1954			01-10-1976		
04	Nguyễn Thị Ngọc	con	nữ	1973			01-10-1976	Viết giấy ở huyện Trảng Bàng	
05	Trần Văn Khánh	con	nam	1975			01-10-1976		
06	Nguyễn Thị Y	con	nữ	1937	0211H2425		21-05-1981		
07	Phạm Thị Loan	con	nữ	1915			21-05-1981	21/15/1986 chết	
08	Phạm Văn Văn	con	nam	1964	0211H2476		21-05-1981		
09	Phạm Văn Thành	con	nam	1962	022040530		21-05-1981		
10	Phạm Văn Xuân	con	nam	1968	022040566		21-05-1981	1985 20.5.1985	
11	Phạm Văn Tiến	con	nam	1969	022059574		21-05-1981		
12	Phạm Văn Nghiệp	con	nam	1971	022081160		21-05-1981		
13	Phạm Văn Lâm	con	nam	1972	022081160		21-05-1981		
14	Phạm Thị Yến	con	nữ	1956	022040566		21-05-1981		
15	Nguyễn Văn Lâm	con	nam	1953			21-05-1981		
16	Nguyễn Văn Hoàng	con	nam	1970			21-05-1981		
17	Phạm Văn Thuận	con	nam	1962	022040651		10-01-1985		
18	Phạm Văn Ba	con	nam	1960	022040620		16.01.1985		
19	Phạm Văn Bích	con	nữ	1966			07.10.76		
20	Phạm Thị Ba	con	nữ	1927					



BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC QUÂN-NHÂN

Số : 027561



Họ và Tên : TRẦN VĂN SÁU

Cấp bậc : Đại úy

Số quân : 65/108.344

Loại máu : B

MẤU

05.08.66 QĐ-849

10.66. TTALAP. O. 2585

DẤU TAY

Ngón

Ngón mặt

Sanh ngày : 01-06-1945

Tại : Saigon

Con của Ông : Tran van Tu

và Bà : Le Thi Chien

KBC 4125 ngày 15.10.72

Tham Mưu Phó Nhân Viên
BỘ TTM/GIUVNCH

CÓ TỜ

Handwritten signature

THAM MƯU PHÓ NHÂN VIÊN

* Ai mượn được Thẻ này xin chuyển
đến KBC ghi trên.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020156591**

Họ tên **VÕ THỊ BÉ**

Sinh ngày **03-10-1954**

Nguyên quán **Nhà Bè,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **19 ấp 6 B, Tân Qui,**

Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.



Số

CHỨNG NHẬN GIỒNG VÀ BẢN CHÍNH

Xuất trình Tại UBND Xã TÂN QUY

Ngày **10** tháng **9** năm **1980**



UBND XÃ TÂN QUY

Tổ Đ. chính trị

[Signature]

Nguyễn Ngọc Thành

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH .

Nốt ruồi c, 2cm5 trên
trước đầu mày trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày... **04** tháng **7** năm **1978**

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc

Số 000.004

BIÊN NHẬN

(Cấp cho QN đã lập Hồ-sơ xin CC bọc nhựa)

Họ và Tên TRAN - VAN - SAU

Cấp bậc Dai-Uy

Số quân 65/108.344

Thời hạn sử dụng Khí cấp theo moi

Số thẻ CC được cấp 087561

KBC. 3.071 ngày 12/08/1972

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG THI

210

[Signature]



MẤU

08-86

QD-851

10-86. TTALAP. 0.2586

BUU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Administration des Postes
de la R. S. du Việt Nam

BUU CHÍNH
Service des Postes



BD. 29

(29 và 29a cũ)

C. 5

Nhật ấn Bureau cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis

GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception

Trả tiền
Paiement



Địa chỉ:

Adresse:

ở (d)

TRAN VAN SAU

10 Tân Quý Q. Nhà Bè

TP Hồ Chí Minh nước (Pays) Vietnam

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le rédacteur de la mention très apparente « Renvoi par avion »
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion ».
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (*Biffer ce qui ne convient pas*).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)

Envoi recommandé

ký gửi tại Bureau cục

déposé au bureau de poste de

ngày

le

địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

HCH

8/10 1984

số

sous le n°

OPP OFFICE 131 SOI TIEN SIANG
SATHORN TAI ROAD BANGKOK
10120 THAILAND

Gửi Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

le

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (1)

2 NOV 1984

Chữ ký nhân viên

Bureau cục nhận

Signature de l'agent

du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận

Timbre du bureau

destinataire



* CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lán thứ 3 mới đến ».

CƯỚC PHÍ
Montant de
l'affranchissement

Dán nhãn
80 - 20 hay
80 - 20 PHÍ
Étiquette de reg
80 20 ou 30 20
phí

Loại
Nature de l'objet

Giá trị
Valeur déclarée

NGƯỜI NHẬN
Destinataire

131 SOUTHERN ST
SOUTH TAI RAO

Linh hộp vào ngân
Contre remboursement

Trọng lượng - Poids

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

VIỆT NAM

Office Général
Postes et Télécommuni-
cations du Viet Nam

PHIẾU CƠI BƯU PHẠM HẠNH

CHỖ Hết KHÔNG CÒN LẠI

Réception d'un envoi recommandé ou
avec valeur déclarée

80. 32

08-10-84

R-677

toí nòn nen nàp tại bưu cục gửi.

Đơn này chỉ nhận trong vòng một năm tính từ ngày gửi.

NOTA

Réclamations

Elles sont reçues dans tous les bureaux de poste, mais de préférence au bureau expéditeur.

Elles ne sont admises que dans le délai d'un an à compter du jour du dépôt.

GIẤY CHỨNG NHẬN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

BỘ QUỐC - PHÒNG

BỘ TÔNG THAM-MƯU Q.L.VN.C.H.
TỔNG-CỤC QUÂN-HUẤN

TRƯỜNG PHÁO-BÌNH/QLVNCH

Số 2936/TPB/QH

I

ĐẠI - TÁ HỒ - SĨ - K H A I , CHỈ HUY TRƯỞNG TRƯỜNG PHÁO - BÌNH
QUÂN - LỰC VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Chứng nhận Trung-Úy Trần - văn - Dân (TĐ.210.PB)

Số quân 65/108.344 đã theo học khóa PHÁO - ĐỘI - TRƯỞNG / I / 71
tại trường Pháo-Bình từ ngày 22 tháng 03 năm 1971 đến ngày 29 tháng 05 năm 1971
đã trúng tuyển kỳ thi mãn khóa :

Vậy cấp giấy Chứng nhận này cho đương sự để chấp chiếu và tiện dụng.

KBC. 4883, ngày 29 tháng 05 năm 1971



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two copies)

IV No _____

VEWL No _____

1-171: _____ YES _____ NO

1. APPLICANT IN VIETNAM: SÁU VÂN TRẦN
Last Middle First

Current address: số 8/7, ấp 3, xã Tân Qui Đông, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh

Date of birth: June 1st, 1945 - Place of birth: Saigon

Previous occupation: (before 1975)
(Rank and Position)

Quân đội Việt Nam Cộng Hoà - cấp bậc Đại úy
chức vụ Pháo đội trưởng

2. TIME SPENT IN REEDUCATION:

DATE: from June 23rd, 1975 to August 20, 1984

3. SPONSOR'S NAME:

Name

Address and Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE US:

<u>Name</u>	<u>Address and Telephone</u>	<u>Relationship</u>
5. NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:		
<u>Name</u>	<u>Date of birth</u>	<u>Relationship's PA</u>
1- VÕ THỊ BÉ	October 3 1954	vợ
2- TRẦN NHA BÍCH	April 16 1986	Con (gái)

Dependent's address (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION:

Ngày 24-9-1989

Trần Văn Sáu

Trần Văn Sáu

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

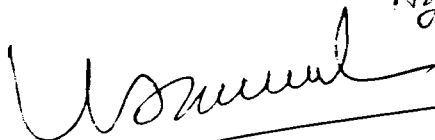
INTAKE FORM (Two copies)

1. NAME: SÁU VÂN TRẦN
 Last Middle First
2. DATE, PLACE OF BIRTH: June 1st, 1945
3. SEX: Male X Female
4. MARITAL STATUS: Single Married X
5. ADDRESS IN VIETNAM: Số 8/7, ấp 3, xã Tân Qui Đông
 Huyện Nhà Bè - Thành phố Hồ Chí Minh
6. POLITICAL PRISONER: YES X NO
 if YES, from June 23, 1975 to August 20, 1984
7. PLACE OF REEDUCATION CAMP: Trại ~~Hà Nam Ninh~~ (Tỉnh Hà Nam Ninh)
 NAM HÀ
8. PROFESSION: thợ máy
9. EDUCATION IN THE US :
10. RVN ARMY, RANK: Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà - Cấp bậc Đại Úy
11. RVN GOVERNMENT, POSITION: chức vụ Pháo đội trưởng
12. APPLICATION FOR ODP:
 YES X Ghi chú: Ngày 8 th. 10, 1984, tôi có gửi đơn
 (Questionnaire for ODP Applicants) với đầy đủ
 giấy tờ đến văn phòng ODP ở Bangkok, Thái Lan.
 Đến nay chưa nhận được tin tức gì.
13. NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: 02 (vợ và 1 con gái)
14. MAILING ADDRESS IN VIETNAM: số 8/7, ấp 3, xã Tân Qui Đông
 Huyện Nhà Bè - Thành phố Hồ Chí Minh
15. NAME AND ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVES:
 Tôi không có thân nhân ở Mỹ. Kính nhờ Hội Gia Đình
 Tù nhân Chính Trị VN bảo trợ cho tôi.
16. US CITIZEN: YES NO
17. RELATIONSHIP WITH PRISONER:
18. NAME AND SIGNATURE: TRẦN VÂN SÁU

Address and Telephone of Informant:

DATE: 24 Số 8/7, ấp 3, xã Tân Qui Đông, Huyện Nhà Bè - TP Hồ Chí Minh
19. September , 1989

Ngày 24 - 9 - 1989.



Trần Văn Sáu

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại THAM HA
Số 224 GRT

010147015902

SHSLĐ

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 317 ngày 7 tháng 7 năm 1984
của Hội đồng

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Trần Văn Sửu Sinh năm 1945

Các tên gọi khác

Nơi sinh Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

23 ấp 5 Tân Quy Đông, Nh. 10, TP HCM

Can tội Đội ngũ trước ban 3

Bị bắt ngày 20-6-1975 Án phạt THCM

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Hội đồng

Đã bị täng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 23 ấp 5 Tân Quy Đông, nhà bè, TP HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã được giảm án theo quyết định của Hội đồng

Đã được giảm án theo quyết định của Hội đồng

Đã được giảm án theo quyết định của Hội đồng

Đã được giảm án theo quyết định của Hội đồng

Đã được giảm án theo quyết định của Hội đồng

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã:

Trước ngày 30 tháng 8 năm 1984

Lưu tay ngón trỏ phải
Của Trần Văn Sửu
Đánh bản
Lập tại

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Trần Văn Sửu

Ngày 14 tháng 8 năm 1984



Đại tá: Trần Văn Sửu

Xuân N. Nhân
M/S Xuân Nhân Sơn Sơn 2945
điền hi quan HT CT An. Li
có chủ tịch dân lại từ phường
M/c công an xã gày q. N.
Đp 68 28/09/84
Đáp

Khánh
Xuân Nhung

Xuân Nhân số: 8417D

Đ/s có chủ tịch ANCT cơ như
hệ chủ tịch dân xã 68 thủ tục
xong.

M/c Đ/s QLHC về TTXH
cơ Huyện kết giải quyết theo chế
quản lý dân và cơ xã quản
lý chính trị.

Nhà B. ngày 9/10/84
Được cơ Huyện
176

Nguyễn Phú Hòa

Xuân Nhân
Đ/s B. B. B. B. B. B.
ANCT và Tân Sơn
T. B. B. B. B. B. B.

Ngày 30/8/1984:



Đời sống: Nguyễn Tấn Tài



PHÒNG CÔNG AN
H. T. B. B. B. B. B. B.
Ngày 07 tháng 10 năm 1984
UBND X. T. B. B. B. B. B. B.



Nguyễn Tấn Tài

CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 45/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ ~~Membership; Letter~~
____ ~~Membership; Letter~~